

Dự án: Tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT (Địa phận xã Phú Xá)

[illegible]

[illegible]

[illegible]

			4	32	T	TĐ 01-2018	8	219,0	CLN		605/TB-UBND	4/5/2018
			1 LN	52	GT	TĐ 01-2018	9	302,7	BHK			
			1 LN	52	GT	TĐ 01-2018	10	266,4	BHK			
			4	32	T	TĐ 01-2018	12	100,5	CLN			
			4	26	1L	TĐ 01-2018	14	317,5	BHK			
			4	40	Hg	TĐ 01-2018	15	71,4	CLN			
			4	195	V	TĐ 01-2018	17	376,2	CLN			
			4	196	V							
			4	33	1L	TĐ 01-2018	18	228,4	BHK			
			4	34	1L	TĐ 01-2018						
			4	196	V	TĐ 01-2018	19	253,0	CLN			
			4	36	1L	TĐ 01-2018	20	208,2	BHK			
			4	37	1L							
			4	38	1L							
			4	39	1L							
18	Lâm Thị Kiểm	Thôn Bản Liếp								5689,2		
			3 LN	91	RTs	TĐ 07-2018	17	4030,7	RSX		596/TB-UBND ngày 05/4/2018	4/5/2018
			3 LN	91	RTs	TĐ 07-2018	18	1658,5	CLN			
19	Lâm Trung Cu	Thôn Thâm Mò								410,9		
			4	180	T	TĐ 01-2018	2	410,9	TMD		597/TB-UBND ngày 05/4/2018	4/5/2018
			4	199	T							
20	Lâm Văn Pheng	Bản Liếp								8139,7		
			1 LN	78	RTs	TĐ 02-2018	9	879,0	RSX		924/TB-UBND	11/5/2018
			1 LN	78	RTs	TĐ 02-2018	10	2158,8	CLN			
			5	4	T	TĐ 03-2018	1	23,0	ONT			
			1 LN	78	RTs	TĐ 03-2018	3	5078,9	RSX			
21	Lý Thị Sáu	Thôn Bản Liếp								223,2		
			3 LN	90	RTs	TĐ 07-2018	12	223,2	BHK		599/TB-UBND	4/5/2018
22	Nông Văn Quán	Thôn Bản Liếp								5938,3		

			3 LN	65	RTs	TĐ 07-2018	1	3371,8	CLN		600/TB-UBND	4/5/2018
			3 LN	420	ĐM	TĐ 07-2018	2	138,4	BHK			
			3 LN	420	ĐM	TĐ 07-2018	3	53,9	BHK			
			3 LN	420	ĐM	TĐ 07-2018	4	14,1	BHK			
			3 LN	420	ĐM	TĐ 07-2018	5	283,3	BHK			
			3 LN	420	ĐM	TĐ 07-2018	7	67,5	BHK			
			3 LN	420	ĐM	TĐ 07-2018	8	152,8	BHK			
			3 LN	90	RTs	TĐ 07-2018	9	933,3	RSX			
			3 LN	90	RTs	TĐ 07-2018	10	453,4	CLN			
			3 LN	90	RTs	TĐ 07-2018	13	469,8	CLN			
23	Nông Văn Thượng	Thôn Bản Liếp								44,3		
			3 LN	91	RTs	TĐ 07-2018	15	44,3	LUK		601/TB-UBND	4/5/2018
24	Ngô Thị Nghị	Thôn Thâm Mò								12746,3		
			5	1	ĐM	TĐ 02-2018	1	4315,8	TMD		602/TB-UBND	4/5/2018
			4	41	1L							
			4	47	1L							
			4	48	1L							
			4	49	ĐM							
			4	194	XD							
			1 LN	53	RTs							
			1 LN	53	RTs	TĐ 02-2018	2	92,6	CLN			
			1 LN	53	RTs	TĐ 02-2018						
			4	194	XD							
						TĐ 02-2018	3	8337,9	RSX			

			1 LN	45	RTs	TĐ 02-2018	3	8551,9	RSA			
			5	13	T							
25	Nguyễn Thị Tuyền	Thôn Bản Liếp								3593,9		
			3 LN	56	RTs	TĐ 05-2018	6	3593,9	RSX		603/TB-UBND	4/5/2018
26	Trần Minh Bách	Khu Ga, thị trấn Đồng Đăng	1LN	19	RTS	TĐ 01-2018	1	8647,5	RSX	8647,5		
			1LN	32	RTS						614/TB-UBND	4/5/2018
			1LN	38	RTS							
			4	192	RTS							
27	Hoàng Văn Thảo	phường Hoàng Văn Thụ, TP Lạng Sơn								4723,5		
			3LN	86	RSX	TĐ 07-2018	19	4723,5	RSX		604/TB-UBND	4/5/2018
Tổng cộng										117.122,70		